

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA THÁI LAN DƯỚI CHẾ ĐỘ QUÂN CHỦ LẬP HIẾN (1932 - 2000)

Nguyễn Tương Lai⁽¹⁾

Từ năm 1932, khi cuộc Cách mạng tư sản thành công ở Thái Lan thì chế độ quân chủ lập hiến được thành lập. Từ đây nền chính trị Thái Lan bắt đầu hình thành một quá trình đấu tranh giữa hai thế lực quân phiệt và dân chủ. Các cuộc đấu tranh giành quyền lực này có những giai đoạn rất quyết liệt, nhưng rốt cuộc cho dù phái "quân phiệt" hay phái "dân chủ" chiến thắng lên cầm quyền thì các chính khách Thái Lan của các phái vẫn thực thi chính sách ngoại giao thực dụng "ngả theo chiều gió" vốn là truyền thống đối ngoại mà các vương triều Thái Lan đã thực hiện trong quá khứ [2, tr.583-596]. Các chính phủ Thái Lan không những biết triệt để áp dụng truyền thống đối ngoại của cha ông mà còn biết cải biến nó cho phù hợp với những hoàn cảnh lịch sử mới. Điều này được minh chứng trước hết qua chính sách đối ngoại của Thái Lan trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).

Bắt đầu từ giữa những năm 30 thế giới đứng trước một nguy cơ chiến tranh do thế lực phát xít ngày càng lớn mạnh đang có ý đồ làm bá chủ thế giới. Lúc này tại Thái Lan, vua Rama VII tuyên bố thoái vị trao lại ngôi vua cho vua Rama VIII là A-nần-tha Ma-hi-dôn lúc đó chỉ mới 10 tuổi và đang sống ở nước ngoài. Các cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các phái dân chủ và quân phiệt cũng do đó mà ngày càng quyết liệt. Nhưng trước tình hình phát xít Đức, Ý, Nhật đang rất mạnh và

thế giới chắc chắn không thoát khỏi chiến tranh nên phái quân phiệt ở Thái Lan do tướng Phi-bun Xông-khram đứng đầu đã giành được quyền lãnh đạo đất nước. Phi-bun cũng muốn đưa Thái Lan theo mẫu hình của Đức, Ý, Nhật và cũng có ý đồ đưa vào tình hình thế giới hiện tại mà biến Thái Lan thành một cường quốc lớn ở khu vực. Hành động rõ nhất thể hiện ý đồ này là sự bất chước bọn phát xít tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, nêu lên cái gọi là "Chủ nghĩa Đại Thái" để lôi kéo các dân tộc thuộc nhóm Thái ở các nước khác trong khu vực đòi sáp nhập vào lãnh thổ của Thái Lan và cái tên "Mường Thay" cũng được thay cho tên cũ là "Xa-giảm" (Xiêm) bắt đầu từ năm 1939⁽¹⁾. Trước sức mạnh của phát xít Nhật khi tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Nam Á, chính phủ quân phiệt Phi-bun Xông-khram đã "ngả" theo Nhật. Nhận thấy Nhật sẽ tiến hành mở rộng chiến tranh ra toàn châu Á mà trước hết là Đông Á và Đông Nam Á nên Thái Lan đã ngay lập tức ký hiệp ước "an ninh" với Nhật vào tháng 5-1941 và tham gia "Khối thịnh vượng chung" của Nhật. Rõ

⁽¹⁾ Người Thái Lan gọi tên nước của mình là "Mường Thay" hoặc "Pra-thét Thay". Tên gọi này có thể hiểu với nghĩa rằng "Đất nước của người Thái" hoặc "Quốc gia của người Thái". "Thái" cũng có thể cho là tên gọi của một bộ phận dân tộc thuộc nhóm Thái ở khu vực, còn "Xa-giảm" (Xiêm) chỉ là tên gọi của những người Thái ở trên lãnh thổ Thái Lan hiện nay mà thôi. Do đó cái tên "Thái" có ngoại diên rộng hơn nhiều so với "Xa-giảm" (Xiêm). Còn tên gọi "Thái Lan" như hiện nay là do người Anh gọi thành Thailand. Tên "Thailand" hiện nay được dùng trong các văn bản bằng tiếng Anh, còn các văn bản bằng tiếng Thái Lan hay trong ngôn ngữ Thái hàng ngày thì người Thái Lan vẫn dùng từ "Mường Thay" hay "Pra-thét Thay".

⁽¹⁾ PGS TS, Khoa Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

ràng đây lại lặp lại bước ngoại giao của thời Xu-khổ-thay khi nhà vua Ram-khăm-hêng nhận thấy nguy cơ của Nguyên Mông đang tràn xuống khu vực [2, tr.584-585]. Với hành động này Thái Lan đã tình nguyện trở thành người bạn cùng hội cùng thuyền với phát xít Nhật. Chỉ ngay sau đó một tháng, tháng 6-1941, Nhật tấn công các căn cứ của Anh và Mỹ trên Thái Bình Dương, mở đầu bằng cuộc oanh kích Trân Châu Cảng. Rồi ngày 8-12-1941, quân Nhật đổ bộ lên bờ biển phía Nam Thái Lan và đòi người bạn đồng minh của mình để cho quân đội Nhật tự do đi ngang qua lãnh thổ Thái Lan. Như đã có sự chuẩn bị sẵn, ngay hôm sau (9-12) Phi-bun chấp thuận yêu sách này của Nhật. Vấn đề đặt ra trước chính giới Thái Lan là chấp nhận quy chế lãnh thổ bị chiếm đóng hay biến thành đồng minh chiến tranh của Nhật? Thực ra câu trả lời đã có kể từ khi Phi-bun Xông-khram lên nắm chính quyền và những hành động của Thái Lan từ những năm trước năm 1941 đã cho thấy Thái Lan sẵn sàng trở thành đồng minh chiến tranh với phát xít Nhật. Để thể hiện rõ quyết tâm này với phe phát xít, ngày 17-12-1941, Phi-bun cải tổ chính phủ, loại Pri-đi và những người có xu hướng thân Anh, Mỹ ra khỏi chính phủ. Chính phủ mới đã giảm số quan chức dân sự từ 14 xuống còn 9 và nâng số sỹ quan quân đội từ 15 lên thành 17. Trên thực tế, Phi-bun đã thiết lập nền độc tài quân sự, dặt dặt nước vào tình trạng chiến tranh. Hơn thế nữa, ngày 21-12-1941, Thái Lan ký Hiệp ước liên minh với Nhật. Với Hiệp ước này quân đội Nhật được phép đóng trên lãnh thổ Thái Lan cho đến khi chiến tranh kết thúc. Hành động cuối cùng của Thái Lan thể hiện rõ mình thuộc phe phát xít đó là vào ngày 25-1-1942 chính phủ Băng Cốc đã công khai tuyên chiến với Anh và Mỹ.

Nhưng cũng vào lúc này một lực lượng dân chủ do Pri-đi lãnh đạo đã tuyên bố

đứng về phía Đồng minh và tập hợp lực lượng những người thân Mỹ đấu tranh chống lại thế lực quân phiệt Thái và phát xít Nhật. Như vậy, trong lúc cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra thì tại Thái Lan vẫn tồn tại hai lực lượng ủng hộ cho hai phe Phát xít và Đồng minh. Khi phe phát xít đang mạnh thì lực lượng ủng hộ phát xít được giành quyền lãnh đạo đất nước và thậm chí còn đẩy đất nước thiên hẳn vào phe Phát xít. Việc làm này cũng là nhằm làm cho Thái Lan không trở thành thuộc địa của Nhật. Còn lực lượng dân chủ do Pri-đi lãnh đạo thì vẫn tồn tại như một sự đối lập với chính phủ quân phiệt phát xít giống như một sự "dự trữ" phòng khi có sự thay đổi tình hình thì Thái Lan kịp trở tay. Điều này quả nhiên đã trở thành sự thật khi phe phát xít bại trận sau này. Phải chăng đây cũng chính là một sách lược đối ngoại tuân theo truyền thống đối ngoại "Ngã theo chiều gió" của Thái Lan? Nhân vật quân phiệt Phi-bun Xông-khram thực ra chỉ là một nhân vật có vai trò phù hợp với bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, bởi vì nhân vật này sẽ còn tiếp tục quay trở lại khi thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh mà Thái Lan là nước đứng về phe đế quốc Mỹ chống lại chủ nghĩa cộng sản. Mọi cuộc "đảo chính", mọi sự thay đổi chính phủ thực ra đã nằm trong sự sắp đặt và "phân công" nhau từ trước cả rồi.

Từ mùa hè 1944, Nhật Bản liên tiếp bị thua trên các chiến trường. Nghị viện Thái Lan hoang mang liển chất vấn Phi-bun và bỏ phiếu không tin nhiệm chính phủ của ông ta. Đây cũng có thể coi là sự kết thúc vai trò của Phi-bun và đã đến lúc lực lượng thứ hai được thay vào cho phù hợp với tình thế mới. Chính phủ mới được thành lập do Khuông A-phay-vông làm Thủ tướng để mong tìm đường cho Thái Lan rút khỏi cuộc chiến. Việc đưa lực lượng thứ hai là lực lượng dân chủ thân Mỹ đứng về phe

Đồng minh lên vũ đài chính trị Thái Lan đã chín muồi khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào ngày 15-8-1945. Ngày 17-9, một chính phủ mới của Thái Lan được thành lập do một nhân vật thân Mỹ đứng đầu là Xê-ni Pra-môt.

Tháng 9-1945, quân Anh vào Thái Lan với tư cách Đồng minh để tước vũ khí quân đội Nhật và thừa cơ trừng phạt Thái Lan. Chính phủ Luân Đôn coi Thái Lan như một tội phạm chiến tranh và muốn biến nước này thành thuộc địa. Nhưng may thay Thái Lan đã kịp thời lập một chính phủ mới vốn là lực lượng của phong trào "Thái tự do" vẫn kiên trì ngay từ đầu lập trường chống lại Phát xít và ủng hộ Đồng minh. Và như vậy Thái Lan lúc đó giống như một nước vừa tự mình thoát ra khỏi vòng kiểm chế của phát xít Nhật. Lúc này Mỹ cũng đang có ý đồ hất cẳng Anh và Pháp khu vực Đông Nam Á nên đã tận dụng ưu thế chính trị của mình để "cứu" lấy Thái Lan nhằm biến Thái Lan trở thành đồng minh đáng tin cậy của mình về sau này. Mỹ đưa ra tuyên bố không coi Thái Lan là nước bại trận thù địch mà là nước bị phát xít Nhật chiếm đóng cần được giải phóng. Bản Tuyên bố viết: "Ngày nay, việc giải phóng đã hoàn thành, chúng tôi cho rằng Thái Lan sẽ trở lại vị trí trước kia của mình trong cộng đồng các quốc gia như một nước tự do, có chủ quyền độc lập"[4]. Nếu như trước đây Mỹ đã ký hiệp ước Thái - Mỹ 1920 làm tiền đề cho Thái Lan lấy lại các chủ quyền về kinh tế và luật pháp thì lúc này Mỹ lại một lần nữa đã giúp Thái Lan thoát khỏi sự trừng phạt của thế giới. Quá đó là hai "món nợ lịch sử" mà Thái Lan đã "vay" của Mỹ.

Sau khi rút ra khỏi chiến tranh với tư cách là một nước bị phát xít chiếm đóng được giải phóng, Thái Lan đã lại tiếp tục

dựa vào Mỹ để tranh thủ đứng trong tổ chức Liên Hiệp Quốc. Năm 1946 Thái Lan đã cử đại diện sang Mỹ để thương lượng về việc xin được gia nhập Liên Hiệp Quốc. Nhưng phía Pháp đã phản đối Thái Lan gia nhập Liên Hiệp Quốc vì năm 1941 Thái Lan đã dựa vào phát xít Nhật để chiếm lấy một số vùng ở Đông Dương thuộc Pháp (trong đó có tỉnh Bát-tam-băng của Campuchia). Xét thấy việc trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc là rất quan trọng nên Thái Lan đã đồng ý ký hoà ước với Pháp tại Oa-sinh-ton ngày 17-11-1946 trao trả cho Pháp các phần đất mà Thái đã chiếm của Pháp hồi năm 1941. Nhờ vậy mà Pháp đã rút ý kiến phản đối Thái Lan vào Liên Hiệp Quốc. Trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc, Thái Lan càng nâng cao địa vị của mình trên trường quốc tế. Đây lại là một thành tựu ngoại giao rất to lớn của Thái Lan trong và sau chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Từ đây, Mỹ đã gạt được ảnh hưởng của các thế lực tư bản Tây Âu và bước vào Thái Lan dưới chiếc áo khoác của "người bạn thiện chí". Mỹ đã đạt được vị trí hàng đầu của mình ở Thái Lan, tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị, kinh tế của đất nước này trong nửa sau thế kỷ XX. Đồng thời cũng từ đây chính sách đối ngoại của Thái Lan là hoàn toàn "thân Mỹ". Truyền thống "mở cửa các phía" để cân bằng các thế lực có lợi cho Thái Lan đã được hình thành từ các vương triều Thái Lan đến nay đã được cải biến thành: "mở cửa các phía, nhưng ngả về một thế lực mạnh nhất" để mưu cầu lợi ích tối đa cho Thái Lan.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cả vùng Đông Nam Á sôi động lên với những cao trào giải phóng dân tộc. Trước tình thế đó Mỹ thực thi ý đồ từng bước "hất cẳng" Anh, Pháp ra khỏi khu vực, nhằm thiết lập

ảnh hưởng có tính chi phối của Mỹ ở Đông Nam Á. Thái Lan lúc này lại có một cơ hội mới để thực sự trở thành một “đồng minh” thân thiết của Mỹ ở khu vực. Trước đây đã từng “ngả” vào phát xít Nhật thì nay Thái Lan lại “ngả” vào lòng đế quốc Mỹ cũng là nhằm dựa vào Mỹ để khuếch trương thanh thế và kiểm soát những lợi lộc về kinh tế cũng như vị thế trên trường quốc tế. Chúng ta hãy nhớ lại các bước đi của Thái Lan trong thời gian đó:

Trước đó, tháng 5-1946, với chính phủ Pri-di, chính quyền thực thi chế độ dân chủ đại nghị theo kiểu phương Tây đã có một chính sách đối ngoại tiến bộ, tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, đặc biệt là đối với phong trào chống thực dân Pháp của nhân dân Đông Dương (trước hết là của Việt Nam và Lào). Nhưng khi đế quốc Mỹ đã trở thành nước đi đầu trong việc chống lại chủ nghĩa cộng sản thì chính phủ Pri-di lại không còn thích hợp nữa. Phải có một chính phủ chống cộng ở Thái Lan. Đó là mong muốn của Mỹ mà Thái Lan cần phải đáp ứng ngay. Thế thì không có ai khét tiếng hơn là nhân vật tội phạm chiến tranh Phi-bun Xông-khram. Tháng 11-1947 một cuộc “đảo chính” đã nổ ra và đến tháng 4-1948 thì Phi-bun Xông-khram đang “lẩn trốn” ở nước ngoài đã được mời về nắm chính quyền ở Thái Lan. Trớ trêu thay, Phi-bun Xông-khram vốn là nhân vật trước đây đã theo đuổi phát xít Nhật chống lại Mỹ, tuyên chiến với Mỹ thì nay lại trở về làm tay sai đắc lực cho Mỹ. Điều này càng thấy rõ rằng nhân vật chính trị này của Thái Lan chỉ là một nhân vật chịu mọi sự sắp đặt chứ đâu có sự kiên định với một lập trường hay một lý tưởng nhất định giống như nhiều tên trùm phát xít đã tự kết liễu đời mình khi bị thất bại.

Từ khi Phi-bun Xông-khram lên cầm quyền, giới cầm quyền quân phiệt Thái

Lan đã thực thi chính sách đối ngoại thân Mỹ chống cộng mà trước hết là chống lại sự nghiệp giành và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân ba nước Đông Dương. Tháng 9-1950 khi Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, Thái Lan đã cùng với Mỹ ký hiệp ước hợp tác về kinh tế và kỹ thuật và đến tháng 10 lại ký hiệp ước về viện trợ quân sự. Theo đó nhiều đoàn cố vấn kinh tế, kỹ thuật và quân sự của Mỹ đến Băng Cốc. Vậy là để ngăn cản chủ nghĩa cộng sản xâm nhập vào nước mình, chính phủ Thái Lan đã lợi dụng sức mạnh của Mỹ để tìm kiếm những lợi ích không chỉ về mặt chính trị mà cả về các mặt kinh tế và quân sự. Điều này cũng không nằm ngoài truyền thống đối ngoại của Thái Lan là sẵn sàng làm tất cả vì độc lập và lợi ích của dân tộc mình.

Từ năm 1954, tình hình ở Đông Nam Á có những biến đổi lớn. Chiến tranh Đông Dương kết thúc với sự thất bại của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Trước tình hình đó Mỹ ra sức lập một “phòng tuyến” mới để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Tháng 9-1954, Hiệp ước Manila được ký kết, khối SEATO (Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á) ra đời. Thái Lan là nước tích cực nhất tham gia hiệp ước này. Với việc tham gia khối SEATO, chính sách đối ngoại của Thái Lan đã được hướng vào quỹ đạo của Mỹ. Tháng 1-1955, hội nghị đầu tiên của khối SEATO họp ở Băng Cốc và nơi này được chọn để đóng trụ sở của nó.

Bắt đầu từ đây khu vực Đông Nam Á đã thực sự chịu ảnh hưởng của chiến tranh lạnh bằng việc tồn tại hai chiến tuyến với hai ý thức hệ đối chọi nhau kịch liệt. Đứng giáp liền với chiến trường Đông Dương đầy nóng bỏng, Thái Lan đã thực hiện truyền thống đối ngoại là ngả hẳn vào siêu cường Mỹ để ngăn chặn ngọn lửa chiến tranh và

kiếm lấy những lợi lộc về các mặt kinh tế, quân sự, ngoại giao mà đế quốc Mỹ đem lại cho mình. Bất chấp máu và nước mắt của nhân dân Đông Dương đang đổ trên các chiến trường chống Mỹ, chính phủ Thái Lan đã cho Mỹ xây dựng nhiều căn cứ quân sự trên đất nước mình và đưa thêm nhiều lực lượng quân đội Mỹ vào Thái Lan để phục vụ cho cuộc chiến tranh Đông Dương. Máy bay Mỹ hàng ngày xuất phát từ các căn cứ quân sự ở Thái Lan đi ném bom gây biết bao tội ác cho nhân dân ba nước Đông Dương. Không những thế, từ 1966, quân đội Thái Lan còn tham gia chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương với tư cách là thành viên SEATO. Quả thực, với việc làm này Thái Lan đã thu được rất nhiều món lợi từ Mỹ đưa lại. Viện trợ Mỹ đổ vào Thái Lan ngày một nhiều. Nền kinh tế Thái Lan chủ yếu là dựa vào Mỹ và hoàn toàn phụ thuộc vào Mỹ đã làm cho Thái Lan ngày một giàu thêm. Nhưng thay vào đó những người dân có lương tri của Thái Lan sẽ phải còn day dứt mãi trước việc chính phủ của họ đã từng tiếp tay cho những tội ác của đế quốc Mỹ gây ra cho những người dân láng giềng của họ ở ba nước Đông Dương mà cho đến nay những di chứng của những tội ác đó vẫn còn hiển hiện.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân Đông Dương đã giành thắng lợi trọn vẹn, quân đội Mỹ rút khỏi Thái Lan và đóng cửa các căn cứ quân sự ở đây. Năm 1977 khối SEATO giải thể. Thêm vào đó, thế giới bước vào thập kỷ 70 đã có những thay đổi đáng kể về mối quan hệ giữa các nước lớn; từ 1972, sau Thông cáo Thượng Hải đã dần dần hình thành thế tam giác chiến lược Mỹ - Nga - Trung; Nhật Bản cũng vào năm này đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Vai trò của Trung Quốc ở châu Á ngày càng trở

thành một trong 5 nhân tố không thể thiếu được trong an ninh khu vực (Mỹ - Nhật Bản - Trung Quốc - Ấn Độ - Liên Xô).

Tình hình thế giới nói chung, châu Á nói riêng lúc này đã không cho phép Mỹ có thể tự do tung hoành “muốn làm gì cũng được”, nhất là từ sau khi bị thất bại nặng nề ở Đông Dương. Như vậy là vào thời gian này các nước lớn đã có sự điều chỉnh chiến lược của mình khi tương quan lực lượng giữa Mỹ với các nước lớn tại châu Á đã thay đổi. Thái Lan lúc này có phần “dao động” trong chính sách đối ngoại. Các chính khách Thái Lan, một mặt vẫn phải “đi với Mỹ” vì nền kinh tế Thái Lan không thể không có vốn, kỹ thuật và thị trường của tư bản phương Tây được mà trước hết là Mỹ và Nhật; mặt khác lại rất lo ngại nếu chỉ “đi với Mỹ” mà bỏ qua các nước lớn khác, nhất là Trung Quốc vốn là một nước lớn đang bắt đầu có vai trò quan trọng ở châu Á. Ngoài ra, chính Thái Lan đã tiếp tay cho Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương nay phải làm gì đây để không trở thành kẻ thù của nhân dân Đông Dương sau khi chỗ dựa của mình là đế quốc Mỹ đã thua trận phải rút khỏi Đông Dương và Đông Nam Á. Để khắc phục những tiêu cực không có lợi sẽ xảy ra với mình, Thái Lan đã thực thi chính sách mới trong lĩnh vực đối ngoại mà các học giả phương Tây gọi là “Ngoại giao dao động”[1], ý muốn nói tới sự ngã nghiêng trong việc tìm chỗ dựa vào thế lực bên ngoài hầu mong kiếm nhiều lợi lộc khi các nước lớn đang có sự điều chỉnh chiến lược.

Thập kỷ 70 là thập kỷ mà Thái Lan phải tìm kiếm một đường hướng mới để điều chỉnh chính sách ngoại giao của mình. Vốn tiếp tay cho Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương nên Thái Lan cũng đã trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Còn đối với Trung Quốc thì Thái

Lan đã có quan hệ rất căng thẳng kể từ khi hoàn toàn đi theo Mỹ để chống lại chủ nghĩa cộng sản. Trước tình thế nhân dân Đông Dương giành thắng lợi, Trung Quốc đang lớn mạnh và Mỹ phải rút khỏi Đông Nam Á, Thái Lan đã rất lo sợ chủ nghĩa cộng sản từ Trung Quốc và Đông Dương thâm nhập vào Thái Lan. Thực hiện chính sách “Ngoại giao dao động” Thái Lan vẫn tiếp tục truyền thống đối ngoại của mình nhằm thoát ra khỏi thế bị động và bất lợi hầu mong vừa tránh né được những đòn trừng phạt đáng xuống đầu mình lại vừa có thêm chỗ dựa mới để tiếp tục kiếm lời. Chính vào lúc này, Thái Lan thi hành chính sách cùng tồn tại hoà bình với ba nước Đông Dương, tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, Lào. Đồng thời, các chính phủ cầm quyền ở Thái Lan đã chú ý tới việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Thái Lan tích cực mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhưng bước vào thập kỷ 80, Thái Lan đã chuyển từ “Ngoại giao dao động” trong những năm cuối thập kỷ 70 sang “Ngoại giao lựa chọn” đầu những năm 80 bắt đầu bằng “Vấn đề Campuchia”. “Ngoại giao lựa chọn” đã phát triển thành một sự đối đầu công khai chống lại ba nước Đông Dương. Thái Lan là nước cứng rắn nhất trong khối ASEAN muốn áp dụng chính sách duy trì tình hình căng thẳng giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương. Một chính sách đối ngoại như vậy cốt nhằm giành sự ủng hộ của Trung Quốc và Mỹ. Sự bất đồng Việt Nam - Trung Quốc trong vấn đề Campuchia đã là cơ hội để Thái Lan có thể không chỉ thân thiện với Mỹ mà còn cả với Trung Quốc nữa. Trở lại như trước đây với Mỹ, Thái Lan lại để lãnh thổ của mình cho Trung Quốc sử dụng để giúp đỡ Khơme Đỏ và đất Thái Lan cũng là căn cứ an toàn cho Khơme Đỏ sau các đợt rút chạy. Như

vậy sự bất đồng Việt Nam - Trung Quốc đã lại là một cơ hội vàng để cho Thái Lan mặc cả kiếm lời với Trung Quốc và “ngà vạc lòng” Trung Quốc. Một hình ảnh lặp lại của những thế kỷ trước đây về mối quan hệ của Thái đối với “Thiên triều” Trung Quốc lại bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ XX. Lúc này quan hệ Thái Lan - Mỹ, quan hệ mang tính chiến lược đã được hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 vẫn tiếp tục được duy trì. Khi Mỹ rút quân khỏi Thái Lan và khối SEATO sụp đổ thì Thái Lan có phần “dao động”, lo âu trước “Đại Trung Hoa”. Đến nay nỗi lo âu đó không còn nữa. Từ đầu những năm 80, những cuộc tiếp xúc giữa Thái Lan và Trung Quốc ngày càng mật thiết hơn. Các nhà lãnh đạo hai nước ở cấp cao nhất đi lại thăm viếng nhau và bàn bạc với nhau về kế hoạch chống lại ba nước Đông Dương. Ngay cả khi mà xu hướng đối thoại giữa các nước ASEAN (tiêu biểu là Indônêxia) và ba nước Đông Dương được ủng hộ rộng rãi thì Thái Lan vẫn chống lại xu hướng này. Vậy là, xuất phát từ lợi ích dân tộc có tính thực dụng, Thái Lan đã vượt qua trở ngại ý thức hệ bắt tay với Trung Quốc để “kiếm lời” mà trước hết là cho tập đoàn quân phiệt Thái Lan. Chính sách “Ngoại giao lựa chọn” đi với Mỹ và Trung Quốc để “đối đầu” với các nước Đông Dương cũng đã tạo cho Thái Lan một cơ hội vàng nữa để phát triển kinh tế⁽²⁾.

Sau chiến tranh lạnh, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến sâu sắc. Sự giải thể của lưỡng cực cùng với sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đã tạo điều kiện cho Đông Nam Á không còn là nơi đổ đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Xô

(2) Từ cuối những năm 80, ở Thái Lan đã bùng nổ làn sóng mới của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nếu như năm 1986 đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Thái Lan chỉ đạt 925 triệu USD thì năm 1988 con số này lên tới 6,2 tỷ USD

Mỹ. Giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Campuchia đã được giải quyết qua Hiệp định Pa-ri (23-10-1991). Từ đây Thái Lan lại thực thi chính sách đối ngoại "mở cửa ra các phía" nhằm giữ thế cân bằng, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn để kiếm lời. Bước vào thời kỳ này Thái Lan vẫn tiếp tục ưu tiên duy trì quan hệ đối với Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và coi những nước đó là đồng minh trọng yếu đối với an ninh của Thái Lan. Song nền tảng của chính sách này là: Dựa vững chắc trên quan hệ Thái Lan - Mỹ vì Thái Lan cho rằng Mỹ vẫn là thế lực giữ vai trò quan trọng đối với an ninh của khu vực. Việc tranh thủ các siêu cường cũng là nhằm cân bằng lực lượng, tránh để Thái Lan bị rơi vào ảnh hưởng của một siêu cường nào đó. Có thể nói truyền thông đối ngoại luôn luôn được phát huy ở mọi bối cảnh lịch sử. Tuy vậy các nhà hoạch định chính sách của Thái Lan vẫn lo sợ về một sự đối đầu có thể xảy ra trong tương lai giữa Thái Lan và Trung Quốc khi mà Trung Quốc bành trướng nhanh chóng về kinh tế và chính trị vào các nước Myanmar, Lào, Việt Nam và Campuchia. Theo họ, Thái Lan cần phải tìm cách hợp tác với Trung Quốc trên cơ sở hai bên cùng có lợi và để đảm bảo rằng Trung Quốc ưu tiên Thái Lan hơn Việt Nam⁽³⁾.

Từ 1991 đến nay cho dù các chính phủ Thái Lan có thay đổi nhiều lần Thủ tướng và Ngoại trưởng, Thái Lan vẫn ưu tiên cho việc thúc đẩy quan hệ với các đồng minh truyền thống: Mỹ, Nhật Bản, EU. Đồng thời cũng mở rộng quan hệ với các nước Đông Âu, Trung Âu, Nam Á, châu Phi, Mỹ La-tinh trên tinh thần đa dạng hoá quan

hệ và mở rộng thị trường thế giới, phục vụ nhu cầu phát triển đất nước và nâng cao vị thế của Thái Lan trên trường quốc tế. Trong những năm gần đây, Thái Lan đã tích cực tham gia và hợp tác với các tổ chức quốc tế quan trọng như Liên Hiệp Quốc, Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), tổ chức của các quốc gia đang phát triển để giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới là không ngoài mục tiêu nâng cao vai trò và vị trí chính trị của Thái Lan trên trường quốc tế. Chính phủ Thái Lan đã hoạt động hết sức mình nhằm thúc đẩy cho người Thái và nước Thái thể hiện vai trò lãnh đạo trên các diễn đàn quan trọng của thế giới, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của các tổ chức quốc tế hoặc vai trò lãnh đạo dưới các hình thức khác. Cụ thể là ủng hộ để người Thái có thể tham gia đảm nhận nhiều chức vụ hơn trong các tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc, WTO, UNESCO, v.v...

Riêng đối với ASEAN, Thái Lan vốn có tham vọng là người "lãnh đạo" khối này, do đó tích cực triển khai các hoạt động trên nhiều lĩnh vực như: Thái Lan đưa ra đề nghị và tổ chức thành công Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF); thúc đẩy chương trình liên kết, hợp tác kinh tế khu vực, bàn bạc các biện pháp thực hiện AFTA, đề xuất nhiều phương án, phương hướng hợp tác kinh tế ASEAN; tích cực chuẩn bị các hội nghị cấp cao ASEAN, đăng cai tổ chức Hội nghị Á - Âu... Thái Lan cũng thúc đẩy hợp tác tiểu khu vực: "Tứ giác Vàng" bao gồm Thái Lan - Lào - Myanmar - Trung Quốc, "Tam giác kinh tế" (Thái Lan - Malaysia - Indônêxia), "Khu kinh tế vòng tròn" (Đông Bắc Thái Lan - Trung Nam Lào - Đông Bắc Campuchia - miền Trung Việt Nam), thúc đẩy hợp tác Tiểu vùng Mêkông. Với những nỗ lực này Thái Lan hy vọng phần đầu trở thành trung tâm tài chính, ngân hàng, mậu dịch,

(3) Tài liệu tham khảo đặc biệt của TTXVN, ngày 25/2/1993, tr 2

viễn thông, thương mại và đầu tư của khu vực. Ngoài ra Thái Lan còn muốn mình trở thành một nước đóng góp viện trợ, giúp đỡ các nước kém phát triển, đặc biệt là các nước Đông Dương, coi đó là một biện pháp để tăng cường ảnh hưởng chính trị của mình trong khu vực.

Trong mấy năm gần đây, các nhà hoạch định chiến lược đối ngoại của Thái Lan đã cho rằng Thái Lan cần chuyển hoá quan điểm về quan hệ quốc tế theo hướng “cam kết linh hoạt”. Quan điểm này nhằm thể hiện rõ vai trò của Thái Lan trong việc sẵn sàng “dính líu tích cực” trong các hoạt động cụ thể. Một thí dụ điển hình là Thái Lan là một trong những nước tích cực tham gia vào tiến trình giải quyết vấn đề Đông Timor. Việc cử binh sỹ tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình ở Đông Timor chứng tỏ rằng Thái Lan sẵn sàng hành động tới mức độ một cách cụ thể chứ không chỉ “thông cảm hời hợt và lý thuyết suông”. Đó là biểu tượng cho thấy Thái Lan đang đóng vai trò lãnh đạo lớn hơn trong khu vực. Thái Lan đang và sẽ giành giật vai trò lãnh đạo trong khu vực này nhiều hơn⁽⁴⁾.

Khao khát trở thành nước lãnh đạo khu vực thông qua “dính líu tích cực”; đó sẽ là mục tiêu hàng đầu của Thái Lan trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Quả đúng vậy, việc Thái Lan cử quân đội sang I-rắc không chỉ là hành động để cho Mỹ thấy rằng trong mọi lúc Thái Lan luôn là người bạn trung thành với Mỹ mà qua đây Thái Lan còn có thể kiếm chác được những quyền lợi về kinh tế và đặc biệt là về chính trị nhằm nâng cao vai trò và uy tín của Thái Lan trên trường quốc tế cũng như

khẳng định thêm vị trí lãnh đạo khu vực của Thái Lan.

Các trung tâm nghiên cứu đối ngoại thuộc hai trường đại học lớn ở Thái Lan (Thăm-ma-xạt hay Chu-la-lông-kon) đều lần lượt đề xuất chính sách đối ngoại của Thái Lan trong thế kỷ XXI sẽ phải đặt nền tảng cho một thế giới mới đang phát triển trong khu vực. Đó là “sự quản lý khu vực”; Chính sách của Thái Lan về lâu dài có thể sẽ trở lại những mục tiêu quan trọng về đối ngoại mà thời kỳ kinh tế bùng nổ Thái Lan đã từng có tham vọng, gồm:

1. Biến Thái Lan thành “trung tâm”, thành “lãnh đạo”, thành “số 1” trong khu vực Đông Nam Á, cả về quân sự, an ninh, chính trị, kinh tế, nhân quyền và trở thành “nhà lãnh đạo tư tưởng”, trung tâm văn hoá, văn minh của khu vực.

2. Trở thành “cầu nối” quan hệ giữa các siêu cường vốn từng có vai trò quan trọng của Thái Lan trong quá khứ. Thái Lan có trong tay các “con bài” Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Thái Lan có mối quan hệ chặt chẽ với ba siêu cường này, không có nước nào trong khu vực có được vị thế đó như Thái Lan. Do đó, trong thế kỷ XXI, Thái Lan có thể phát triển thành nước hàng đầu ở châu Á, thậm chí thành nước hàng đầu của thế giới⁽⁵⁾. Xét trên góc độ này Thái Lan cũng có thể trở thành “một cực quyền lực” ở châu Á⁽⁶⁾.

Đó là thực chất chính sách đối ngoại mà Thái Lan sẽ cố gắng thực hiện trong thế kỷ XXI. Chính sách đối ngoại này cũng

⁽⁴⁾ GS TS Withaya Sucharitanarugse, Viện trưởng Viện nghiên cứu châu Á, Đại học Chu-la-lông-kon. Theo Tài liệu tham khảo đặc biệt của VNNTX, ngày 30/9/1999, tr 6-7

⁽⁵⁾ Trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế có dư báo cho rằng kinh tế Thái Lan trong thế kỷ XXI sẽ vươn lên đứng hàng thứ 8 của thế giới

⁽⁶⁾ TS. Prapatsa Terachatri, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chính sách đối ngoại, Khoa Chính trị, Đại học Thăm-ma-xạt, đề cập đến xu hướng chính sách đối ngoại của Thái Lan trong thế kỷ XXI, *Bao Ma-ti-chon*. Theo Tài liệu tham khảo đặc biệt của VNNTX ngày 3-2-2000, tr 6-9

văn chính là sự tiếp nối chính sách đối ngoại truyền thống của Thái Lan mà cốt lõi của truyền thống này là biết cách liên kết với các nước lớn tạo cho đất nước Thái Lan ở vị thế né tránh được các cuộc chiến tranh, bảo vệ độc lập, đồng thời lợi dụng được mọi thời cơ để phát triển kinh tế, ổn

định chính trị, khuếch trương thanh thế trên vũ đài chính trị thế giới và vươn lên thành "số 1" của khu vực. Tuy vậy đây chỉ mới là những nhận định, chúng ta hãy tiếp tục dõi theo những bước đi đối ngoại của Thái Lan trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI xem sao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khắc Viện, *Thái Lan, một số nét về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá và lịch sử*. NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1988, tr. 150.
2. Nguyễn Tường Lai, *Truyền thống đối ngoại của các vương triều Thái Lan*, Trong: "Phương Đông hợp tác và phát triển", Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Đông Phương học Việt Nam lần thứ hai, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.
3. Phạm Nguyên Long, Nguyễn Tường Lai (đồng chủ biên), *Lịch sử Thái Lan*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 361.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T. XXI, N_o1, 2005

FOREIGN POLICY OF THAILAND UNDER CONSTITUTIONAL MONARCHY REGIME (1932 - 2000)

Assoc.Prof. Dr. Nguyen Tuong Lai

*Departments of Oriental Studies
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

The article states Foreign policies of Thailand since Thailand changed to constitutional monarchy regime to the year of two thousand. In fact, governments of Thailand still enforce pragmatic foreign policy "following with the wind" which is a former foreign tradition, was implemented in the past by royal dynasty of Thailand. Governments of Thailand not only know to apply absolutely foreign tradition of forefathers but also know to change it for suitable with new historic situations. This is showed clearly in different periods and historic backgrounds from the second world war to Indochina war, cold war and post-cold war. In any situation, Thailand still knew to take advantage of chances absolutely that was profitable for Thailand to escape from passive and disadvantageous position. Therefore, Thailand both avoid punishment demoting to Thailand and have new mainstay to continue to make profit. Now and in the future Thailand will try its best to change to become center", become "leading", become "number one" in Southeast Asia area about military, security, politics, economy, human rights and become "leader of thought", cultural center, civilized center of area.